

Số: 226/2026/QĐST-LĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Trần Hải Nam.

Thư ký phiên họp: Bà Phạm Việt Hà - Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 283/2026/LĐ-ST ngày 26 tháng 6 năm 2026 về việc: “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 213/2026/QĐST-LĐ ngày 06 tháng 7 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Phạm Thị H, sinh năm 1990; Thường trú: Ấp N, phường T, Thành phố Đ;

Người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 21 và 30/5/2026): Bà Huỳnh Bảo N, sinh năm 2003; Địa chỉ: Số G, đường N, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

2.1. Bà Phạm Thị Ngọc T, sinh năm 1996; Địa chỉ: Ấp P, phường T, Thành phố Đ (Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2.2. Công ty Cổ phần Đ; Địa chỉ: Số E, đường X, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 01/3/2024): Ông Nguyễn Hữu M, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số G đường số A, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2.3. Bảo hiểm xã hội cơ sở Dĩ An - Thành phố H; Địa chỉ: Đường T, khu phố N, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 30/6/2026): Ông Dương Văn T1, sinh năm 1988; Địa chỉ: Bảo hiểm xã hội cơ sở D - Thành phố Hồ Chí Minh

- Đường T, khu phố N, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2.4. Bảo hiểm xã hội cơ sở Bình Dương - Thành phố H; Địa chỉ: Số A, đường L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh T2 – Giám đốc (Vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

** Tại Đơn yêu cầu ghi ngày 21/5/2026 và quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu bà Phạm Thị H do người đại diện theo uỷ quyền là bà Huỳnh Bảo N trình bày:*

Bà Phạm Thị H có đi làm việc và được đóng bảo hiểm xã hội theo Sổ bảo hiểm xã hội số: 7526779343 và 7511021674. Tuy nhiên, hiện nay hồ sơ bảo hiểm xã hội của bà H đang bị trùng quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 09/2012 đến tháng 10/2012 và từ tháng 02/2013 đến tháng 06/2013, cụ thể sự việc như sau:

Vào khoảng năm 2012, em bà H tên là Phạm Thị Ngọc T có mượn hồ sơ của bà H để đi làm việc tại Công ty Cổ phần Đ và được đóng bảo hiểm xã hội theo Sổ bảo hiểm xã hội số 7412264949 và 7413087397, cấp bởi Bảo hiểm xã hội cơ sở D, quá trình đóng bảo hiểm từ tháng 09/2012 đến tháng 10/2012 đối với sổ 7412264949 và từ tháng 02/2013 đến tháng 06/2013 đối với sổ 7413087397. Vào thời điểm đó, bà H đang đi làm việc và được đóng bảo hiểm xã hội theo Sổ bảo hiểm xã hội số: 7526779343 và 7511021674.

Do đó, hiện nay bà H bị trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 09/2012 đến tháng 10/2012 và từ tháng 02/2013 đến tháng 06/2013, sổ bảo hiểm trùng là: Sổ bảo hiểm xã hội số 7412264949 và 7413087397.

Để giải quyết việc trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội, bà H đã liên hệ cơ quan có thẩm quyền thì được hướng dẫn rằng, trong trường hợp trên, thì bà H phải yêu cầu Tòa án làm thủ tục tuyên bố hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ bị vô hiệu toàn bộ, theo quy định tại Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXXH của Bộ L ngày 31/5/2022.

Hợp đồng lao động được giao kết giữa tên bà Phạm Thị H với Công ty Cổ phần Đ nhưng người đi làm thực tế là bà Phạm Thị Ngọc T. Do đó, hợp đồng lao động này đã vi phạm nguyên tắc “trung thực” và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin trong giao kết hợp đồng lao động.

Việc đóng trùng bảo hiểm xã hội như trên là trùng khớp với khoảng thời gian bà H cho bà T mượn hồ sơ để đi làm tại Công ty Cổ phần Đ. Lúc đó, bà H không hiểu biết về pháp luật nên đã cho người khác mượn hồ sơ đi làm, điều này trái quy định pháp luật dẫn đến hậu quả hồ sơ bảo hiểm xã hội của bà H có thời gian bị đóng trùng nên không thể giải quyết được các thủ tục chính sách bảo hiểm xã hội theo quy định pháp luật.

Do hợp đồng lao động được giao kết giữa tên bà Phạm Thị H với Công ty Cổ phần Đ nhưng người trực tiếp ký kết hợp đồng là bà Phạm Thị Ngọc T nên bà H không thể cung cấp hợp đồng lao động trên cho Tòa án.

Nay bà H yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh: Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Phạm Thị H với Công ty Cổ phần Đ trong thời gian từ tháng 9/2012 đến tháng 10/2012 đối với sổ 7412264949 và từ tháng 02/2013 đến tháng 6/2013 đối với sổ 7413087397 là vô hiệu.

Ngoài ra, bà H xác định không có ý kiến, hay yêu cầu gì khác. Đồng thời, đại diện của người yêu cầu đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của Tòa án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Ngọc T trình bày:*

Trước đây, do không hiểu biết pháp luật nên bà T đã mượn hồ sơ của bà Phạm Thị H để đi làm việc tại Công ty Cổ phần Đ và khiến cho hồ sơ của bà H bị trùng quá trình bảo hiểm xã hội.

Nay, bà T được biết bà H đang thực hiện thủ tục yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu tại Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động đứng tên bà Phạm Thị H và Công ty Cổ phần Đ (thực tế do bà T mượn hồ sơ của bà H để đi làm) vô hiệu toàn bộ để giải quyết việc trùng hồ sơ đóng bảo hiểm xã hội và để hưởng bảo hiểm xã hội.

Bà T hoàn toàn đồng ý với yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu của bà Phạm Thị H và đề nghị Tòa án giải quyết, tuyên bố Hợp đồng lao động nêu trên vô hiệu để bà H được hưởng Bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật. Trường hợp Tòa án cho rằng Hợp đồng lao động trên vô hiệu, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả Hợp đồng lao động vô hiệu.

Bà T cam đoan trình bày trên là đầy đủ và trung thực. Ngoài ra, bà T không cung cấp thông tin gì thêm. Đồng thời, đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của Tòa án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần Đ trình bày:*

Theo dữ liệu trích ngang còn lưu trữ trên máy tính, Công ty Cổ phần Đ có tiếp nhận và giao kết hợp đồng lao động với người lao động có thông tin như sau: Họ và tên: Phạm Thị H, ngày tháng năm sinh: 10/8/1990; Chứng minh nhân dân số: 272013468, ngày cấp: 04/01/2006, nơi cấp: Đồng Nai; Địa chỉ thường trú: P, T, Đồng Nai.

Quá trình làm việc tại Công ty như sau:

- Ngày 31/07/2012, bà H được Công ty nhận vào làm việc. Tháng 09/2012, Công ty ký hợp đồng lao động với bà H và tham gia đóng các chế độ bảo hiểm (Số sổ: 7412264949) cho bà H theo quy định pháp luật. Tháng 11/2012, bà H xin nghỉ việc ở Công ty, Công ty đã giải quyết chế độ và chốt sổ bảo hiểm cho bà H.

- Ngày 11/12/2012, bà H nộp hồ sơ quay lại Công ty làm việc. Tháng 02/2013, Công ty ký hợp đồng lao động với bà H và tham gia đóng các chế độ bảo hiểm (Số sổ: 7413087397) cho bà H theo quy định pháp luật. Tháng 07/2013, bà H xin nghỉ việc ở Công ty. Công ty đã giải quyết chế độ và chốt sổ bảo hiểm cho bà H.

Theo đơn, bà H thừa nhận có cho em gái là bà Phạm Thị Ngọc T mượn hồ sơ của mình để xin việc và giao kết hợp đồng lao động với Công ty dưới tên là Phạm Thị H nên dẫn đến việc trùng với quá trình tham gia bảo hiểm của bà H khi làm việc tại một công ty khác trong cùng khoảng thời gian và không thể giải quyết các chế độ bảo hiểm sau đó. Công ty hoàn toàn không hề biết gì về vấn đề này và cũng không phát hiện ra việc bà H cho mượn hồ sơ cho đến hôm nay khi nhận được Thông báo thụ lý từ Tòa án.

Hành vi mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động của bà Phạm Thị Ngọc T là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động năm 2019. Bên cạnh đó, bà H hoàn toàn nhận thức được việc cho bà Phạm Thị Ngọc T mượn hồ sơ để xin việc và ký hợp đồng lao động với Công ty Đ là trái pháp luật nhưng vẫn cho bà T mượn hồ sơ là chấp nhận với hậu quả pháp lý có thể xảy ra.

Về các hồ sơ liên quan đến bà H: Do người lao động có tên là Phạm Thị H (thực tế là người khác giả mạo hồ sơ) đã nghỉ việc từ tháng 07/2013 đến nay đã gần 13 năm nên các hồ sơ liên quan đến người lao động nêu trên Công ty không còn lưu trữ. Hồ sơ người lao động Công ty đã hủy theo quy định lưu trữ 05 năm kể từ khi chấm dứt hợp đồng lao động.

Về việc ký lại hợp đồng lao động với bà Phạm Thị Ngọc T trong thời gian thực tế bà T làm việc cho Công ty thì Công ty không đồng ý. Bởi lẽ, việc bà T lấy thông tin cá nhân của bà H để làm việc tại Công ty là một hành vi gian dối, dẫn đến việc Công ty ký kết hợp đồng với bà H (nhưng bà T mới là người thực tế làm việc tại Công ty), đó là một hành vi vi phạm pháp luật và nếu ký lại thì tại thời điểm đó bà T cũng không đủ tuổi để ký kết hợp đồng lao động.

Ngoài ra, Công ty không có yêu cầu gì trong vụ án, không có yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Đồng thời, đề nghị Tòa án cho vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

** Tại Văn bản số 2306/CV-BHXXH ngày 23/6/2026 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở B cung cấp thông tin:*

Bảo hiểm xã hội cơ sở Bình Dương có tiếp nhận hồ sơ số 87654.g/2026/07410 về việc đề nghị cấp lại 2 sổ Bảo hiểm xã hội số 7412264949, 7413087397 của bà Phạm Thị H, sinh ngày 10/08/1990, CCCD 075190008537.

Qua kiểm tra dữ liệu đang quản lý, bà H có quá trình đóng Bảo hiểm xã hội tại Bảo hiểm xã hội cơ sở Bình Dương trên 2 sổ Bảo hiểm xã hội số 7412264949,

7413087397 đủ điều kiện xác nhận quá trình đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp cụ thể: Sổ 7412264949: Từ tháng 9/2012 đến tháng 10/2012 tại Công ty Cổ phần Đ; Sổ 7413087397: Từ tháng 02/2013 đến tháng 6/2013 tại Công ty Cổ phần Đ.

Do bà H có từ hai mã số Bảo hiểm xã hội trở lên, mã số Bảo hiểm xã hội 7526779343 được đồng bộ và xác nhận bảo lưu, 2 số Bảo hiểm xã hội 7412264949, 7413087397 trên chưa được đồng bộ nên Bảo hiểm xã hội cơ sở B xác nhận quá trình đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp như trên để bà H1 làm cơ sở lập hồ sơ gộp sổ nộp cho cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết.

Ngoài ra, Bảo hiểm xã hội cơ sở B cung cấp thông tin gì khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở D trình bày:*

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của bà Phạm Thị H, sinh năm 1990, số CCCD 075190008537, thì Công ty Cổ phần Đ có tham gia Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho bà Phạm Thị H theo số sổ Bảo hiểm xã hội 7412264949 có quá trình tham gia Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 09/2012 đến tháng 10/2012, đã chốt sổ và chưa nhận trợ cấp Bảo hiểm xã hội một lần.

Ngoài ra, bà Phạm Thị H còn có mã số 7511021674 có quá trình tham gia Bảo hiểm xã hội từ tháng 01/2011 đến tháng 11/2012 tại Công ty TNHH F.

Về đề nghị yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa bà Phạm Thị H và Công ty Cổ phần Đ, đề nghị Tòa án căn cứ theo Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Nghị định số 145/2020/NĐ-CP quy định về việc xử lý hợp đồng lao động vô hiệu để tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Công ty Cổ phần Đ có giao kết lại hợp đồng lao động với người mượn hồ sơ hay không. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Phạm Thị H, Bảo hiểm xã hội cơ sở D không có lưu trữ những hồ sơ này.

Về các yêu cầu khác của bà Phạm Thị H, Bảo hiểm xã hội cơ sở D không có ý kiến. Ngoài ra, Bảo hiểm xã hội cơ sở D không có ý kiến, yêu cầu gì khác và đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của Tòa án.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên họp:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét đơn yêu cầu: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ việc dân sự đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tại phiên họp đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành pháp luật tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở B

- Thành phố Hồ Chí Minh chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tổ tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Yêu cầu của bà Phạm Thị H là có căn cứ, đề nghị Toà án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Thị H có đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu là yêu cầu về lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hợp đồng lao động được giao kết và thực hiện tại Công ty Cổ phần Đ; Địa chỉ: Số E, đường X, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh theo điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết việc dân sự, đại diện theo uỷ quyền của người yêu cầu giải quyết việc dân sự là bà Huỳnh Bảo N; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Ngọc T, Công ty Cổ phần Đ, Bảo hiểm xã hội cơ sở Dĩ An vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở B vắng mặt không lý do. Toà án căn cứ khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục phiên họp.

[2] Đối với yêu cầu của bà Phạm Thị H xét thấy:

[2.1] Việc bà Phạm Thị Ngọc T sử dụng thông tin, chứng minh nhân dân của bà Phạm Thị H để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ là gian dối. Hành vi trên là vi phạm nguyên tắc “Trung thực”, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 9 của Bộ luật Lao động năm 1994; khoản 1 Điều 17; khoản 2 Điều 19; Điều 50; Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012 nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ.

[2.2] Tại Văn bản số 2306/CV-BHXXH ngày 23/6/2026 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở B cung cấp thông tin: Bà H có quá trình đóng Bảo hiểm xã hội trên 2 sổ Bảo hiểm xã hội số 7412264949: Từ tháng 9/2012 đến tháng 10/2012 tại Công ty Cổ phần Đ; số 7413087397: Từ tháng 02/2013 đến tháng 6/2013 tại Công ty Cổ phần Đ.

[2.3] Quá trình tham gia tố tụng của Bảo hiểm xã hội cơ sở Dĩ A cung cấp thông tin: Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của bà Phạm Thị H, sinh năm 1990, số CCCD 075190008537, thì Công ty Cổ phần Đ có tham gia Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho bà Phạm Thị H theo sổ sổ Bảo hiểm xã hội 7412264949 có quá trình tham gia Bảo hiểm

xã hội, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 09/2012 đến tháng 10/2012, đã chốt sổ và chưa nhận trợ cấp Bảo hiểm xã hội một lần.

Ngoài ra, bà Phạm Thị H còn có mã số 7511021674 có quá trình tham gia Bảo hiểm xã hội từ tháng 01/2011 đến tháng 11/2012 tại Công ty TNHH F.

[2.3] Bà Phạm Thị H trình bày: Vào khoảng năm 2012, em bà H tên là Phạm Thị Ngọc T có mượn hồ sơ của bà H để đi làm việc tại Công ty Cổ phần Đ và được đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 09/2012 đến tháng 10/2012 đối với sổ 7412264949 và từ tháng 02/2013 đến tháng 06/2013 đối với sổ 7413087397. Vào thời điểm đó, bà H đang đi làm việc và được đóng bảo hiểm xã hội theo Sổ bảo hiểm xã hội số: 7526779343 và 7511021674.

Như vậy, bà Phạm Thị H có thời gian đóng trùng Bảo hiểm xã hội.

[2.4] Trình bày của bà Phạm Thị H là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ giải quyết việc dân sự, phù hợp với trình bày của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do đó, bà Phạm Thị H yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa bà Phạm Thị H với Công ty Cổ phần Đ trong thời gian từ tháng 9/2012 đến tháng 10/2012 đối với sổ 7412264949 và từ tháng 02/2013 đến tháng 6/2013 đối với sổ 7413087397 là vô hiệu là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[3] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: “... *Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*”, Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà H và ý kiến của bà H về việc xác định người lao động tại Công ty Cổ phần Đ là bà Phạm Thị Ngọc T, không phải là bà Phạm Thị H. Bà Phạm Thị H và bà Phạm Thị Ngọc T có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại Sổ bảo hiểm xã hội mã số 7412264949 và 7413087397.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung việc dân sự, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về lệ phí: Bà Phạm Thị H phải chịu lệ phí theo quy định.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 146; Điều 149; Điều 361; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9 của Bộ luật Lao động năm 1994;

Căn cứ khoản 1 Điều 17; khoản 2 Điều 19; Điều 50; Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu của bà Phạm Thị H.

Tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa bà Phạm Thị H với Công ty Cổ phần Đ thời gian từ tháng 9/2012 đến tháng 10/2012 và từ tháng 02/2013 đến tháng 6/2013 là vô hiệu toàn bộ.

Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7412264949 và 7413087397 không phải là bà Phạm Thị H, sinh ngày: 10/8/1990; CCCD số 075190008537 (CMND: 272013468). Bà Phạm Thị H và bà Phạm Thị Ngọc T được quyền liên hệ với C có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7412264949 và 7413087397.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Phạm Thị H phải đóng 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng lệ phí bà H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0039714 ngày 23/6/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

Viện Kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện Kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT;

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Trần Hải Nam